

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

| | |
|----------------------------------|------------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ | |
| ĐẾN | Giờ: ... S |
| | Ngày: 02/4/2021. |

NGHỊ ĐỊNH**Quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

Điều 3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm là Cơ sở dữ liệu quốc gia lưu trữ thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thông tin về y tế, an sinh xã hội được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ về bảo hiểm của công dân.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm là cơ sở dữ liệu của Chính phủ được xây dựng thống nhất trên toàn quốc, dùng chung cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm cung cấp chính xác, kịp thời thông tin về bảo hiểm phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu chính đáng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm được xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời ngay sau khi các thủ tục hành chính, nghiệp vụ có liên quan đã hoàn thành; duy trì hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin.

4. Việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm tuân thủ các quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, Luật An toàn vệ sinh lao động, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử; các quy định pháp luật về kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo đảm bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Những hành vi không được làm

1. Cung cấp thông tin không đúng sự thật.

2. Phá hoại hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin hoặc cản trở quá trình vận hành, duy trì ổn định, liên tục của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

3. Truy cập trái phép vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm; sao chép, làm sai lệch thông tin, thay đổi, xóa, hủy dữ liệu trái pháp luật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

4. Khai thác, sử dụng hoặc tiết lộ thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm không đúng quy định, xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình.

Chương II

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

Mục 1

XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

Điều 6. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm bao gồm các thông tin sau:

a) Dữ liệu cơ bản cá nhân bao gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; giới tính, số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân; dân tộc; quốc tịch; nơi đăng ký khai sinh; quê quán, nơi thường trú; họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân của cha, mẹ, vợ, chồng hoặc người đại diện hợp pháp;

b) Thông tin liên hệ của công dân;

c) Nhóm thông tin về hộ gia đình: Mã hộ gia đình; địa chỉ; danh sách các thành viên trong hộ gia đình;

d) Nhóm thông tin về bảo hiểm xã hội: Mã số bảo hiểm xã hội; mã đơn vị quản lý người tham gia; cơ quan bảo hiểm xã hội quản lý; loại đối tượng bảo hiểm xã hội; phương thức đóng; quá trình đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; mã số thuế;

đ) Nhóm thông tin về bảo hiểm y tế: Mã mức hưởng; loại đối tượng; nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu; thời điểm hết hạn; thời điểm đủ 05 năm liên tục; quá trình đóng, hưởng;

e) Nhóm thông tin về bảo hiểm thất nghiệp: Quá trình đóng, hưởng; thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp;

g) Nhóm thông tin về người sử dụng lao động gồm: Tên; mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập; mã số thuế; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh (hoặc ngành, nghề kinh doanh chính)/lĩnh vực hoạt động; số điện thoại, thư điện tử; loại hình doanh nghiệp/loại hình tổ chức; phương thức đóng;

h) Nhóm thông tin cơ bản về y tế;

i) Nhóm thông tin về an sinh xã hội;

2. Thông tin được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này là dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

Điều 7. Thu thập thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Thông tin quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 6 được trích, chọn và đồng bộ hóa dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý.

3. Thông tin quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 được đồng bộ hóa dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

4. Thông tin quy định tại điểm h khoản 1 Điều 6 được trích, chọn và đồng bộ hóa dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu do Bộ Y tế quản lý.

5. Thông tin quy định tại điểm i khoản 1 Điều 6 được trích, chọn và đồng bộ hóa dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

6. Trường hợp dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 6 chưa thể thu thập theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này thì được đồng bộ hóa dữ liệu từ nguồn dữ liệu chuyên ngành của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý và các nguồn dữ liệu khác có liên quan.

Điều 8. Cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm được cập nhật, điều chỉnh từ các nguồn sau:

a) Kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nghiệp vụ;

b) Đề xuất sửa đổi, bổ sung của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thay đổi hoặc phát hiện các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm chưa đầy đủ, chính xác;

c) Từ các Cơ sở dữ liệu khác có liên quan khi có thay đổi.

2. Các cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh các thông tin tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Kinh phí cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Đối với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương: kinh phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Đối với nhiệm vụ giao cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam: kinh phí thực hiện được sử dụng từ nguồn chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và kinh phí quản lý khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

Điều 10. Đối tượng khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm phục vụ các hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành trong lĩnh vực bảo hiểm.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, việc làm và an sinh xã hội.

3. Bộ Y tế khai thác sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế bao gồm cả các thông tin, dữ liệu về bảo hiểm y tế.

4. Văn phòng Chính phủ khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông khai thác, sử dụng dữ liệu để kết hợp với các nguồn dữ liệu khác tạo ra các thông tin gia tăng phục vụ mục đích tham mưu, hỗ trợ ban hành chính sách trong Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

6. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng khai thác sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng.

7. Các cơ quan quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước theo thẩm quyền.

8. Cơ quan, tổ chức và cá nhân được phép khai thác và sử dụng thông tin của mình; thông tin cá nhân của người khác nếu được người đó đồng ý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Cách thức khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm qua Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng dịch vụ công quốc gia, Công thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các hình thức khác do cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có quyền trích xuất thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm. Dữ liệu trích xuất được ký số của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và có giá trị như văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

3. Cơ quan, tổ chức không được yêu cầu cá nhân cung cấp các giấy tờ liên quan nếu đã khai thác được thông tin của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

Điều 12. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số trong cơ quan nhà nước (sau đây được viết là Nghị định số 47/2020/NĐ-CP).

Mục 3

QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

Điều 13. Quản lý nhà nước đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế theo phạm vi, quyền hạn của mình giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

Điều 14. Kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm được kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu theo Điều 16 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra, đánh giá, duy trì định kỳ dữ liệu và gửi báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Cung cấp thông tin được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 6 Nghị định này và đảm bảo tính chính xác, kịp thời thông tin do mình cung cấp.

2. Phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan liên quan trong việc quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Cung cấp thông tin được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 6 Nghị định này và đảm bảo tính chính xác, kịp thời thông tin do mình cung cấp.

2. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan liên quan trong việc quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm với nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia để cung cấp các dịch vụ dữ liệu cho các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước.

2. Kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm với Cổng dữ liệu quốc gia, Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu để phục vụ các cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục yêu cầu và xử lý yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Nghiên cứu, khai thác dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương để cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành, xây dựng chính sách, chiến lược phát triển Chính phủ điện tử.

4. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc dữ liệu trao đổi giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Công an

Phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng quy định về kết nối và chia sẻ thông tin liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do Bộ Công an quản lý phù hợp với các quy định về bảo mật và an toàn thông tin, đảm bảo an ninh quốc gia.

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng quy định về kết nối và chia sẻ thông tin liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do Bộ Quốc phòng quản lý phù hợp với các quy định về bảo mật và an toàn thông tin, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Điều 20. Trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ

1. Kết nối và chia sẻ dữ liệu chứng thực từ bản sao điện tử và các dữ liệu dịch vụ công liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo quy định hiện hành.

2. Kết nối Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm Thông tin, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 21. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Chủ trì xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

3. Chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc xây dựng quy trình thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

4. Cung cấp dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo các quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

5. Kết nối, cung cấp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm lên Cổng dữ liệu quốc gia phục vụ cơ quan, tổ chức và cá nhân khai thác thông tin theo quy định tại Nghị định này. Việc kết nối, chia sẻ thông tin phải đảm bảo bí mật nhà nước, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, đời sống riêng theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

6. Rà soát các quy định, thủ tục trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế để đơn giản hóa giấy tờ cá nhân trên cơ sở sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

7. Quản lý, vận hành hệ thống hoạt động thông suốt, liên tục; đảm bảo điều kiện hạ tầng phục vụ kết nối, trao đổi dữ liệu theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

8. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng phương án, giải pháp ứng cứu sự cố về an toàn thông tin, an ninh mạng cho hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; xây dựng và thực hiện giải pháp giám sát an toàn hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

9. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, các quy chế, quy trình chia sẻ dữ liệu trong phạm vi dữ liệu chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý; ban hành quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia được giao làm chủ quản, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 22. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Chia sẻ, kết nối các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành đang quản lý với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Rà soát các quy định, thủ tục thuộc phạm vi, chức năng quản lý để đơn giản hóa giấy tờ cá nhân trên cơ sở sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

Điều 23. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Được quyền khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo quy định tại Nghị định này.

2. Được quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng dữ liệu của mình.

3. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định này và các quy định của cấp có thẩm quyền về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

4. Bảo đảm tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu do mình cung cấp. Cập nhật, thông báo kịp thời cho cơ quan chủ quản dữ liệu khi có sự thay đổi hoặc có sai sót đối với dữ liệu cung cấp.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

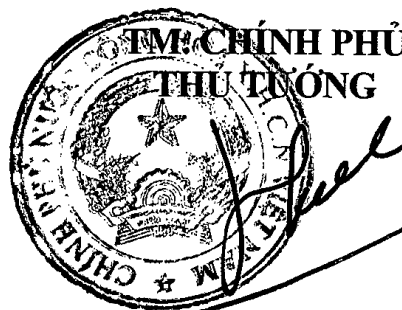
Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2021.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban quốc gia về ứng dụng CNTT;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b). pvh 414



Nguyễn Xuân Phúc